

Số: 20/QĐ -THHK

Hạ Long, ngày 10 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán
Thu-chi ngân sách quý II năm 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ.

Xét đề nghị của Ban thanh tra nhân dân, tổ chức Công đoàn nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai đánh giá thực thiện dự toán thu-chi ngân sách quý II/2020 của trường tiểu học Hà Khẩu (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo TT 90 ngày 28/09/2018 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều TT61/2017/TT - BTC)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, kế toán và các Phòng, ban liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Bích Thủy

**BẢNG THUYẾT MINH CÔNG KHAI NGUỒN KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN
 QUÝ II NĂM 2020**

Mã ND kinh tế	NỘI DUNG	KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG KỲ NÀY				KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	
		KP năm trước chuyển sang	Số thực nhận		Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này	Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm
			Trong kỳ	Lũy kế Từ đầu năm			
I	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		1.613.633.190	3.195.325.341	1.615.603.190	1.615.603.190	3.195.325.341
6000	Tiền lương		850.593.404	1.700.554.514	850.593.404	850.593.404	1.700.554.514
6001	Lương theo ngạch, bậc		829.450.301	1.556.982.700	829.450.301	829.450.301	1.556.982.700
6003	Lương hợp đồng theo chế độ		21.143.103	143.571.814	21.143.103	21.143.103	143.571.814
6100	Phụ cấp lương		414.726.547	822.865.950	414.726.547	414.726.547	822.865.950
6101	Phụ cấp chức vụ		10.206.502	19.817.005	10.206.502	10.206.502	19.817.005
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm			0	0	0	0
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		302.374.357	598.023.490	302.374.357	302.374.357	598.023.490
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, công việc		1.341.000	2.682.000	1.341.000	1.341.000	2.682.000
6115	Phụ cấp thâm niên VK, PC thâm niên nghề		100.804.688	202.343.455	100.804.688	100.804.688	202.343.455
6149	Phụ cấp khác			0	0	0	0
6300	Các khoản đóng góp		226.390.576	452.489.725	226.390.576	226.390.576	452.489.725
6301	Bảo hiểm xã hội		168.588.726	336.905.121	168.588.726	168.588.726	336.905.121
6302	Bảo hiểm y tế		28.900.925	57.829.440	28.900.925	28.900.925	57.829.440
6303	Kinh phí công đoàn		19.267.283	38.503.443	19.267.283	19.267.283	38.503.443
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		9.633.642	19.251.721	9.633.642	9.633.642	19.251.721
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		1.782.227	1.782.227	1.782.227	1.782.227	1.782.227
6501	Tiền điện		1.141.587	1.141.587	1.141.587	1.141.587	1.141.587

ĐVT: đồng

6502	Tiền nước		640.640	640.640	640.640	640.640	640.640
6550	Vật tư văn phòng		1.035.000	33.790.000	1.035.000	1.035.000	33.790.000
6551	Văn phòng phẩm		800.000	800.000	800.000	800.000	800.000
6599	Vật tư văn phòng khác		235.000	32.990.000	235.000	235.000	32.990.000
6600	Thông tin tuyên truyền, liên lạc		2.543.436	5.510.925	2.543.436	2.543.436	5.510.925
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		467.437	730.926	467.437	467.437	730.926
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng		2.075.999	3.459.999	2.075.999	2.075.999	3.459.999
6649	Khác			1.320.000		0	1.320.000
6750	Chi phí thuê mướn		85.850.000	145.650.000	85.850.000	85.850.000	145.650.000
6757	Thuê lao động trong nước		85.250.000	145.050.000	85.250.000	85.250.000	145.050.000
6799	Chi phí thuê mướn khác		600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000
	Các thiết bị công nghệ thông tin		3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng			1.970.000	1.970.000	1.970.000	1.970.000
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		9.612.000	9.612.000	9.612.000	9.612.000	9.612.000
	Chi mua hàng hóa, vật tư		9.612.000	9.612.000	9.612.000	9.612.000	9.612.000
7750	Chi khác		17.650.000	17.650.000	17.650.000	17.650.000	17.650.000
7799	Chi các khoản khác		17.650.000	17.650.000	17.650.000	17.650.000	17.650.000
	Tổng cộng		1.613.633.190	3.195.325.341	1.615.603.190	1.615.603.190	3.195.325.341

Hạ Long, ngày 10 tháng 07 năm 2020

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thu Hằng

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bích Thủy



Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Hà Khẩu

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 10 tháng 07 Năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Hà Khẩu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II/2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II/ 2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II/2020 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.708,91	1.613,63	20,93	94,76
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.708,91	1.613,63	20,93	94,76
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

					
					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.708,91	1.613,630	20,93	94,76
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.580,35	1.613,630	21,29	95,36
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	128,560	0,000	0,00	0,00
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
					
5	Chi bảo đảm xã hội				
					
6	Chi hoạt động kinh tế				
					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
					
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
					
5	Chi bảo đảm xã hội				
					
6	Chi hoạt động kinh tế				
					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

1	Chi quản lý hành chính				
					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
					
5	Chi bảo đảm xã hội				
					
6	Chi hoạt động kinh tế				
					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
					

Ngày 10 tháng 07 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Bích Thủy